

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/TCDS - ST

Ngày: 25 – 7 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Toàn.

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2024/TLST – DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-TCDS ngày 03 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-TCDS ngày 25 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:

1. Công ty Cổ phần M1; địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội; Nay là Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T – Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Cao Duy T1 – Trưởng phòng xử lý nợ miền B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Nguyễn Thế D, bà Nguyễn Thị Vân A – Chuyên viên xử lý nợ;

2. Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1); địa chỉ: Tòa V, số H L, phường L,

quận Đ, thành phố Hà Nội; Nay là số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo ủy quyền của ông D1: Ông Đỗ Hoàng L – Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý;

Ông Phạm Tuấn A1, ông Đỗ Thành T2 – Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý;

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Phạm Tất T3 – Chuyên viên xử lý nợ.

* Bị đơn:

- Anh Phạm Văn T4, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. (Nay là xã N tỉnh Ninh Bình).

Hiện đang chấp hành án tại: P Trại giam X Bộ C.

- Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. (Nay là xã N tỉnh Ninh Bình).

Tại phiên tòa có mặt ông T3, bà Vân A; vắng mặt anh T4, chị L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các lời khai tại tòa án, phía nguyên đơn trình bày như sau: Ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 vay vốn tại V1 theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2212137788333 ngày 17/12/2022 (tương đương với LD2235100342 trên bảng kê): Số tiền vay: 500,000,000 đồng; thời hạn vay: 216 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; mục đích sử dụng vốn: Hoàn vốn mua BĐS – DH 187659 cho ông Trần Văn B có số CCCD 036090000179. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 13,8%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm). Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 216 tháng của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150%

mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2301168177226 ngày 19/01/2023 và khế ước nhận nợ kèm theo (tương đương với LD2301902535 trên bảng kê): số tiền vay: 942,000,000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12,5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/1 tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,2%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hợp đồng cho vay LD2229101796 ngày 18/10/2022 (tương đương với LD2229101796 trên bảng kê): Số tiền vay: 100,000,000 đồng. Thời hạn vay: Tính từ ngày tiếp theo của ngày V1 giải ngân vốn vay đến ngày 10/10/2025; mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 20%/năm.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 đã thế chấp (các) tài sản là:

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã H tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 187659, Số vào sổ cấp GCN: CS00291 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh N (Nay là tỉnh Ninh Bình) cấp ngày 31/10/2022. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công chứng số 4208, quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2022 tại Văn phòng C1 - Số H Đ, phường C, TP N, tỉnh Nam Định. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 175, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã H tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 187672, Số vào sổ cấp GCN: CS00304 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh N (Nay là tỉnh Ninh Bình) cấp ngày 31/10/2022. Tài

sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công chứng số 4209, quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2022 tại Văn phòng C1 - Số H Đ, phường C, TP N, tỉnh Nam Định. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 819, tờ bản đồ số 2a; địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã N tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 189466, số vào sổ cấp GCN: CS00645 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N (Nay là tỉnh Ninh Bình) cấp ngày 08/12/2022. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công chứng số 260, quyền số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/01/2023 tại Văn phòng C1 - Số H Đ, phường C, TP N, tỉnh Nam Định. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/10/2023 nên toàn bộ (các) khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 10/10/2023 theo thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng ký với V1.

Ngày 30/5/2024, V1 đồng ý bán và Công ty Cổ phần M1 đồng ý mua một phần (90%) các khoản nợ của khách hàng vay là ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1, bao gồm (các) khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 đã ký kết với V1 theo Hợp đồng mua bán nợ số 04/2024/VPB-MARS và Phụ lục đính kèm ký ngày 30/5/2024.

Ngày 30/11/2024, V1 tiếp tục bán và Công ty cổ phần M1 tiếp tục mua 90% của khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) của V1 đối với 10% khoản nợ chưa bán tại Hợp đồng mua bán nợ số 04/2024/VPB-MARS theo Hợp đồng mua bán nợ số 14/2024/VPB-MARS và Phụ lục đính kèm ký ngày 30/11/2024.

Như vậy, căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty M1 kế thừa một phần (99%) quyền, nghĩa vụ của V1 phát sinh từ các Hợp đồng cho vay/Hợp đồng tín dụng ký giữa V1 với ông Phạm Văn T4, bà Nguyễn Thị L1 và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V1 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán (1%) cho Công ty M1.

Quá trình xử lý khoản vay, V1 và Công ty M1 đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho V1 và Công ty M1 tuy nhiên, ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 không thực hiện. Vì các lẽ trên, V1 và Công ty M1 đề nghị Quý Tòa giải quyết các nội dung sau:

- Buộc ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 2.240.777.330 đồng (trong đó, Nợ gốc: 1.499.417.484 đồng, Nợ lãi: 661.331.164 đồng; Lãi chậm trả: 80.028.682 đồng).

- Buộc ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 22.634.115 đồng (trong đó, Nợ gốc: 15.145.631 đồng; Nợ lãi: 6.680.113 đồng; Lãi chậm trả: 808.371 đồng).

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 thanh toán hết nợ cho Công ty M1 và V1. Lãi phát sinh phải trả cho M và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 không trả nợ đầy đủ cho M và V1 thì Mars/VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho M1 và/hoặc V1, cụ thể như sau:

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã H tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 187659, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00291 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh N (Nay là tỉnh Ninh Bình) cấp ngày 31/10/2022. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công chứng số 4208, quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2022 tại Văn phòng C1 - Số H Đ, phường C, TP N, tỉnh Nam Định. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 175, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã H tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 187672, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00304 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh N (Nay là tỉnh Ninh Bình) cấp ngày 31/10/2022. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công chứng số 4209, quyền số

01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2022 tại Văn phòng C1 - Số H Đ, phường C, TP N, tỉnh Nam Định. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 819, tờ bản đồ số 2a; địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã N tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 189466, số vào sổ cấp GCN: CS00645 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N (Nay là tỉnh Ninh Bình) cấp ngày 08/12/2022. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công chứng số 260, quyền số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/01/2023 tại Văn phòng C1 - Số H Đ, phường C, TP N, tỉnh Nam Định. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, M và V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho M và/hoặc V1 cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

Ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí và các chi phí tố tụng liên quan (nếu có).

Tại phiên toà bị đơn anh Phạm Văn T4 và chị Nguyễn Thị L1 vắng mặt nhưng trong quá trình làm việc với Toà án phía bị đơn có lời khai trình: Anh Phạm Văn T4 và chị Nguyễn Thị L1 có vay vốn tại ngân hàng V1 tổng số tiền là 1.542.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số LN2212137788333 ngày 17/12/2022, Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2301168177226 ngày 19/01/2023 Hợp đồng cho vay LD2229101796 ngày 18/10/2022. Để đảm bảo cho các khoản vay, anh T4 chị L1 có thế chấp các tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã H tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 187659, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00291 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh N (Nay là tỉnh Ninh Bình) cấp ngày 31/10/2022; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 175, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã H tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 187672, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00304 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh N (Nay là tỉnh Ninh Bình) cấp ngày 31/10/2022 và Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 819, tờ bản đồ số 2a; địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là

xã N tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 189466, số vào sổ cấp GCN: CS00645 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N (Nay là tỉnh Ninh Bình) cấp ngày 08/12/2022. Anh T4, chị L1 nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về các hợp đồng vay, các tài sản bảo đảm và số tiền nợ gồm cả nợ gốc và lãi vay và lãi chậm trả. Tuy nhiên, hiện anh T4 đang phải chấp hành án tại trại giam Xuân Nguyên – Bộ C, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán. Anh T4, chị L1 đồng ý đề ngân hàng xử lý tài sản đảm bảo theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp đã ký và theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 299, 320, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể:

- Buộc ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 2.240.777.330 đồng (trong đó, Nợ gốc: 1.499.417.484 đồng, Nợ lãi: 661.331.164 đồng; Lãi chậm trả: 80.028.682 đồng).

- Buộc ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 22.634.115 đồng (trong đó, Nợ gốc: 15.145.631 đồng; Nợ lãi: 6.680.113 đồng; Lãi chậm trả: 808.371 đồng).

Và buộc ông T4, bà L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nguyên đơn là pháp nhân có đăng ký kinh doanh việc cho vay có mục đích lợi nhuận, bị đơn là cá nhân không có đăng ký kinh doanh do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự và giải quyết theo tố tụng về tranh chấp dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội nay là Toà án nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình là tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

Tại phiên toà bị đơn anh Phạm Văn T4 và chị Nguyễn Thị L1 vắng mặt nhưng đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T4 chị L1 là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hình thức và nội dung hợp đồng: Ngân hàng V1 cấp tín dụng cho anh Phạm Văn T4 và chị Nguyễn Thị L1 theo Hợp đồng cho vay số LN2212137788333 ngày 17/12/2022, Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2301168177226 ngày 19/01/2023 và Hợp đồng cho vay LD2229101796 ngày 18/10/2022. Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, anh Phạm Văn T4 và chị Nguyễn Thị L1 đã thế chấp (các) tài sản là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã H tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 187659, Số vào sổ cấp GCN: CS00291 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh N cấp ngày 31/10/2022; toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 175, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã H tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 187672, Số vào sổ cấp GCN: CS00304 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh N cấp ngày 31/10/2022 và Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 819, tờ bản đồ số 2a; địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã N tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 189466, số vào sổ cấp GCN: CS00645 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 08/12/2022. Hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Xét thấy việc giao kết các hợp đồng này là tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bên thế chấp và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Nên các hợp đồng này là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Công ty Cổ phần M1 đã mua một phần (99%) các khoản nợ của khách hàng vay là anh Phạm Văn T4 và chị Nguyễn Thị L1, bao gồm (các) khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà anh Phạm Văn T4 và chị Nguyễn Thị L1 đã ký kết với V1. Do vậy, anh T4 chị L1 phải có trách nhiệm trả nợ cho V1 và Công ty Cổ phần M1 theo tỷ lệ 99% cho M và 1% cho V1.

[3] Về việc thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng V1 đã thực hiện đúng nghĩa vụ cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng. Việc này đã được các bên xác nhận và được chứng minh bằng bảng kê rút vốn, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và xác nhận của nguyên đơn tại phiên tòa. Anh T4 chị L1 đã nhận tiền vay của Ngân hàng V1 nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, mặc dù đã có thông báo và yêu cầu từ phía nguyên đơn. Do vậy, Ngân hàng V1 và M chuyển toàn bộ nợ gốc và lãi của khoản cấp tín dụng cho bị đơn sang nợ quá hạn và thu hồi nợ là phù hợp với thỏa thuận đã được các bên ký kết trong Hợp đồng tín dụng. Xét thấy yêu cầu buộc anh T4 chị L1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 2.240.777.330 đồng (trong đó, Nợ gốc: 1.499.417.484 đồng, Nợ lãi: 661.331.164 đồng; Lãi chậm trả: 80.028.682 đồng). Buộc ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 22.634.115 đồng (trong đó, Nợ gốc: 15.145.631 đồng; Nợ lãi: 6.680.113 đồng; Lãi chậm trả: 808.371 đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã H tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 187659, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00291 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh N cấp ngày 31/10/2022; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 175, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã H tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 187672, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00304 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh N cấp ngày 31/10/2022 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 819, tờ bản đồ số 2a; địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã N tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 189466, sổ vào sổ cấp GCN: CS00645 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 08/12/2022 không có tranh chấp và vẫn thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chủ sử dụng do đó yêu cầu của phía nguyên đơn về việc kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi khoản vay là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q,

cụ thể: Buộc anh T4 chị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 77.268.228 đồng.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tỉnh Ninh Bình là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299, 320, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 ;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 13, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1), cụ thể:

- Buộc ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 2.240.777.330 đồng (trong đó, Nợ gốc: 1.499.417.484 đồng, Nợ lãi: 661.331.164 đồng; Lãi chậm trả: 80.028.682 đồng).

- Buộc ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Thị L1 phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là: 22.634.115 đồng (trong đó, Nợ gốc: 15.145.631 đồng; Nợ lãi: 6.680.113 đồng; Lãi chậm trả: 808.371 đồng).

Anh Phạm Văn T4 và chị Nguyễn Thị L1 tiếp tục trả lãi suất theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký với V1 cho đến khi trả xong nợ.

2. Trường hợp anh Phạm Văn T4 và chị Nguyễn Thị L1 không trả nợ thì Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: Xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã H tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 187659, số vào sổ cấp GCN: CS00291 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N (Nay là sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh N) cấp ngày 31/10/2022; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 175, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: xóm I, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã H tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 187672, Số vào sổ cấp GCN: CS00304 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N (Nay là sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh N) cấp ngày 31/10/2022

và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 819, tờ bản đồ số 2a; địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã N tỉnh Ninh Bình) theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DH 189466, số vào sổ cấp GCN: CS00645 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N (Nay là sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh N) cấp ngày 08/12/2022.

Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo nói trên vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Công ty cổ phần M1 và V1; Công ty cổ phần M1 và V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng hợp pháp của anh T4 và chị L1 để thu hồi nợ cho Công ty cổ phần M1 và V1.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh T4 chị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 77.268.228 đồng.

- Trả lại cho Công ty cổ phần M1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 34.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001550 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 tỉnh Ninh Bình).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND Khu vực 11;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa Sơn;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Hùng Phương